

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **6322**/UBND-TH
V/v báo cáo bổ sung một số
nội dung theo yêu cầu của
Thường trực HĐND tỉnh

Quảng Trị, ngày **28** tháng **11** năm 2023

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

Triển khai thực hiện Văn bản số 377/HĐND-KTNS ngày 24/11/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc bổ sung nội dung báo cáo trình tại kỳ họp thứ 21 HĐND tỉnh (gửi kèm), Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo như sau:

1. Về tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 và kế hoạch năm 2024

a) Đối với đề nghị: Báo cáo bổ sung kết quả thực hiện giải pháp “Rà soát, cương quyết thu hồi các dự án không triển khai, hoặc có triển khai đầu tư nhưng không hiệu quả, các dự án quy hoạch treo” được xác định tại Nghị quyết số 80/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh; UBND tỉnh xin báo cáo như sau:

Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư và Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh tổ chức kiểm tra, làm việc với các nhà đầu tư, rà soát, đánh giá và ban hành văn bản đôn đốc, hướng dẫn nhà đầu tư triển khai thực hiện các thủ tục pháp lý có liên quan và thực hiện các dự án đảm bảo tiến độ đã được chấp thuận chủ trương đầu tư. Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có báo cáo kết quả thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh tại Văn bản số 2881/SKH-DN ngày 30/12/2022 về báo cáo tình hình rà soát các dự án chậm tiến độ hoặc không triển khai thực hiện; Báo cáo số 505/BC-SKH-DN ngày 30/12/2022 về việc tình hình hoạt động của các nhà máy, cơ sở chế biến dăm gỗ trên toàn tỉnh Quảng Trị; Văn bản số 59/SKH-DN ngày 09/01/2023 về rà soát, báo cáo việc thực hiện kết luận của UBND tỉnh về các dự án đầu tư du lịch; Văn bản số 868/SKHĐT-DN ngày 25/4/2023 về tình hình và kết quả thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Đối với các vướng mắc cụ thể của từng dự án, tùy theo thẩm quyền xử lý, đã tổ chức họp hoặc chỉ đạo, đề nghị các cấp, các ngành tổ chức họp thảo luận để thống nhất phương án hỗ trợ tháo gỡ cho các nhà đầu tư nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án hoặc thu hồi dự án theo đúng quy định.

Đối với các dự án không triển khai, hoặc có triển khai đầu tư nhưng không hiệu quả, các dự án quy hoạch treo và dự án đã hết thời hạn hoạt động: đã ban hành thông báo, quyết định chấm dứt hoạt động đối với 12 dự án.

Bên cạnh đó, đối với các nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án vi phạm quy định của pháp luật, đã tiến hành kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính đối với 04 dự án.

(Có biểu chi tiết các dự án thu hồi và xử phạt kèm theo).

Ngoài ra, đối với các dự án chậm tiến độ, đã hướng dẫn hồ sơ thủ tục, tổ chức thẩm định và thực hiện giãn tiến độ thực hiện trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật. Từ đầu năm 2023 đến nay, đã ban hành quyết định điều chỉnh tiến độ thực hiện đối với 35 dự án, làm cơ sở để thực hiện hoàn thành dự án theo chủ trương đầu tư đã được phê duyệt.

Thời gian tới, sẽ tiếp tục tổ chức thực hiện rà soát, thu hồi các dự án không triển khai, hoặc có triển khai đầu tư nhưng không hiệu quả, các dự án quy hoạch treo được xác định tại Nghị quyết số 80/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh.

b) Đối với đề nghị: Lý do đề nghị HĐND tỉnh xem xét quyết định chỉ tiêu để thực hiện năm 2024 thấp hơn so với kết quả đạt được năm 2023 trong đó có chỉ tiêu “Tạo việc làm mới”, “sản lượng lương thực có hạt”; UBND tỉnh xin báo cáo như sau:

- Về chỉ tiêu tạo việc làm mới:

+ Thực hiện Nghị quyết số 91/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2021-2025, giai đoạn 2021-2025, chỉ tiêu giải quyết việc làm được giao bình quân hàng năm 12.000 lao động/năm. Theo đó, hàng năm Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tham mưu UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh quyết định chỉ tiêu thực hiện như sau: năm 2021: 11.000; năm 2022: 12.000; năm 2023: 12.000, riêng năm 2024 là 12.500, tăng so với năm trước 500 lao động được tạo việc làm mới.

+ Năm 2022 và năm 2023, với sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự nỗ lực, quyết tâm của các cấp, các ngành và toàn hệ thống chính trị, công tác giải quyết việc làm đạt và vượt kế hoạch. Theo số liệu thống kê từ các huyện, thị xã, thành phố cho thấy số được tạo việc làm mới do phần lớn là người lao động sau khi hết dịch bệnh Covid 19 quay trở lại thị trường tìm kiếm việc làm thành công. Trong đó, năm 2022: 16.103, dự kiến năm 2023: 13.989; năm 2023 vẫn đạt và vượt kế hoạch nhưng giảm so với năm 2022. Năm 2023 bắt đầu giảm dần và dự báo đến năm 2024, thị trường sẽ bão hòa, số lượng lao động này đã ổn định công việc và không phát sinh số tạo việc làm mới cao như hai năm 2022, 2023. (Số liệu từ Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Quảng Trị: Số lao động được tạo việc làm thông qua nguồn vốn vay giải quyết việc làm năm 2022 là 5.869, năm 2023: 4950; năm 2023 giảm so với năm 2022).

+ Tình hình kinh tế thế giới và trong nước đối diện nhiều thách thức, tình hình chiến sự, biến động thị trường làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và sự phát triển của doanh nghiệp, tổng cầu hàng hóa trên thế giới sụt giảm, nhu cầu nhập khẩu của các thị trường lớn suy giảm, các doanh nghiệp hiện đang ghi nhận tình trạng bị cắt giảm đơn hàng, một số doanh nghiệp phải tạm dừng hoạt động, lao động bị mất việc làm. Mặt khác, việc khôi phục, mở rộng đầu tư, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở tỉnh còn gặp nhiều khó khăn (Trong 9 tháng đầu năm 2023, toàn tỉnh có 379 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, giảm 1,8% so với cùng kỳ năm 2022. Số lao động đăng ký của các doanh nghiệp thành lập mới trong 9 tháng đầu năm 2023 là 2.560

người, giảm 74,4% so với cùng kỳ năm 2022 (Theo thông báo 2297/SKH-ĐKKD ngày 03/10/2023 của Sở Kế hoạch – Đầu tư về việc số liệu đăng ký doanh nghiệp 9 tháng năm 2023). Xét trên bình diện chung, thị trường lao động ở thời điểm hiện nay trên địa bàn tỉnh còn nhiều vấn đề đặt ra, chưa ổn định nên việc đặt ra chỉ tiêu về giải quyết việc làm theo như Kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2021-2025 là cần thiết.

+ Từ kết quả giải quyết việc làm qua các năm cho thấy, chỉ tiêu đạt được là không ổn định, năm sau có thể thấp hơn năm trước do nhiều yếu tố khách quan, nên xây dựng chỉ tiêu kế hoạch cũng cần phải ổn định theo Nghị quyết. (Kết quả tạo việc làm mới của toàn tỉnh trong năm 2019: 14.012 lao động, nhưng đến năm 2020 chỉ còn lại 11.103 lao động và năm 2021 là 11.134 lao động).

- Về chỉ tiêu sản lượng lương thực có hạt:

Năm 2023, sản lượng lương thực đã vượt ngưỡng 30 vạn tấn, nhưng ngành Nông nghiệp và PTNT vẫn xác định, đề xuất chỉ tiêu này trong năm 2024 sẽ đạt khoảng 28 vạn tấn (giảm 2 vạn tấn so với năm 2023) bởi các lý do sau:

+ Chỉ tiêu chuyển đổi mục đích đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp toàn tỉnh đến năm 2030 theo quy hoạch sử dụng đất cấp huyện được UBND tỉnh phê duyệt là 1.787,28 ha; đến 31/8/2023 đã chuyển đổi 244,31ha; dự kiến tổng diện tích chuyển đổi trong năm 2024 là 1.433 ha.

Cụ thể: Tổng diện tích chuyển đổi của các dự án trọng điểm gần 333 ha (bao gồm danh mục các dự án thu hồi đất, chuyển đổi đất trồng lúa trình kỳ họp thứ 11 tại Tờ trình số 201/TTr-UBND ngày 19/11/2023 của UBND tỉnh; dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam; dự án Cảng hàng không Quảng Trị; dự án đường ven biển kết nối hàng làng kinh tế Đông Tây giai đoạn 1 và các dự án khác tại Tờ trình số 194/TTr-UBND tỉnh); ngoài ra diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng năm 2024 dự kiến là 300 ha và diện tích dự kiến chuyển đổi cơ cấu cây trồng do hạn hán xâm nhập mặn (kịch bản hạn nặng) khoảng 800 ha. Với diện tích trồng lúa giảm như trên thì tổng diện tích gieo trồng trong năm 2024 sẽ giảm khoảng gần 2.065 ha; cùng với dự báo về điều kiện hạn hán do ElNino và dịch bệnh phát sinh, làm giảm khoảng 3% sản lượng. Như vậy, dự kiến tổng sản lượng giảm so với năm 2023 dự kiến khoảng 21.300 tấn, tương đương 2,1 vạn tấn.

+ Năm 2023 là năm sản xuất lương thực trong điều kiện thuận lợi nhất (ít sâu bệnh hại, thời tiết thuận lợi cho trồng trọt, ...) và là năm được mùa nhất từ trước đến nay, vượt ngưỡng 30 vạn tấn. Trong khi, sản xuất nông nghiệp chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố khách quan (lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, sâu bệnh,...). Do vậy, việc xác định kế hoạch đối với chỉ tiêu này ở mức 28 vạn tấn là có thể đạt được và phù hợp với dự báo về tình hình diễn biến thời tiết, thiên tai, diện tích đất trồng lúa giảm do chuyển đổi sang mục đích khác.

2. Kết quả thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương do cấp tỉnh, cấp huyện quản lý năm 2022 sang năm 2023 (Nghị quyết số 21/NQ-HĐND, số 23/NQ-HĐND, số 23/NQ-HĐND ngày 28/3/2023 và số

64/NQ-HĐND ngày 19/7/2023, số 89/NQ-HĐND ngày 24/10/2023). Biện pháp xử lý đối với các dự án không giải ngân hết vốn theo quy định của Luật đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước:

2.1. Đối với nguồn vốn ngân sách địa phương phân cấp cấp huyện quản lý được Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch 2022 sang năm 2023 tại Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 28/3/2023.

Theo báo cáo của các địa phương, dự kiến đến ngày 31/12/2023 sẽ giải ngân cơ bản kế hoạch vốn được HĐND tỉnh cho phép kéo dài, còn một lượng vốn nhỏ không giải ngân hết do giảm dự toán khi thẩm tra phê duyệt quyết toán sẽ được thực hiện theo Khoản 2 Điều 72 Luật NSNN năm 2015 “*Kết dư ngân sách cấp huyện, cấp xã được hạch toán vào thu ngân sách năm sau*”.

2.2. Đối với nguồn vốn ngân sách địa phương phân cấp cấp tỉnh quản lý được Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch 2022 sang năm 2023 tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 28/3/2023 và điều chỉnh tại các Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 19/7/2023, số 89/NQ-HĐND ngày 24/10/2023.

Theo báo cáo của các đơn vị, địa phương, tính đến ngày 20/11/2023 đã giải ngân 97,681 tỷ đồng, đạt 72% kế hoạch được kéo dài; dự kiến đến ngày 31/12/2023 giải ngân khoảng 135 tỷ đồng, đạt 99,5% kế hoạch được kéo dài.

Kế hoạch 2022 được HĐND tỉnh cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 nhưng đến hết ngày 31/12/2023 không giải ngân hết (dự kiến khoảng 700 triệu đồng) nguyên nhân là do một số dự án giảm dự toán khi thẩm tra phê duyệt quyết toán¹ và dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (dự kiến 523 triệu đồng) do kế hoạch năm thứ 3 không được Trung ương cho phép thực hiện. Đối với số vốn được HĐND tỉnh cho phép kéo dài và không giải ngân hết theo quy định sẽ thực hiện thu hồi về ngân sách địa phương và thực hiện theo quy định của Luật NSNN năm 2015.

2.3. Đối với nguồn vốn đã được bố trí tại Nghị quyết 22/NQ-HĐND ngày 28/3/2023 và Nghị quyết 64/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của HĐND tỉnh:

(1) Tình hình thực hiện:

- Nghị quyết 22/NQ-HĐND ngày 28/3/2023: Tổng kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023: 6.231,9 triệu đồng, trong đó:

+ Dự án hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu địa giới hành chính các cấp tỉnh Quảng Trị là 1.801,1 triệu đồng, tỷ lệ giải ngân đến thời điểm này là 0%;

+ Dự án Nhà thờ liệt sỹ và Doanh trại Đội tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sỹ 584 là 4.430,8 triệu đồng, đã giải ngân 100%.

- Nghị quyết 64/NQ-HĐND ngày 19/7/2023: Tổng kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023: 17.377,7 triệu đồng, trong đó:

¹ Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch sinh thái Ba Vòi, huyện Đakrông (35 triệu đồng); Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hải Lăng đến năm 2040, định hướng đến năm 2050 (77,7 triệu đồng); Kênh tiêu Như Lệ, xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị (20,9 triệu đồng);

+ Dự án Cầu sông Hiếu và đường hai đầu cầu 12.417,2 triệu đồng, đã giải ngân 3.605,4 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 29%;

+ Dự án Đường nối cầu An Mô vào Khu lưu niệm Tổng Bí thư Lê Duẩn là 4.960,5 triệu đồng, có tỷ lệ giải ngân 0%.

(2) Biện pháp xử lý:

Tại Nghị quyết 22 và Nghị quyết 64 của HĐND tỉnh đều quy định thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn trước ngày 31/12/2023 và tại Quyết định số 1824/QĐ-UBND ngày 16/8/2023 của UBND tỉnh quy định: “*Thời gian bố trí vốn, thời gian thực hiện và giải ngân nguồn vốn này trước ngày 31/12/2023.*”

Theo quy định tại khoản 2, Điều 68 Luật Đầu tư công: “*Thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm: 2. Thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm đến ngày 31 tháng 01 năm sau. Trường hợp bất khả kháng, Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với vốn ngân sách trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với vốn ngân sách địa phương cho phép kéo dài thời gian thực hiện nhưng không quá 31 tháng 12 năm sau.*”.

Ngày 23/5/2023, Bộ Tài chính có Văn bản số 5258/BTC-ĐT về việc kéo dài thời gian thực hiện dự án và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công vốn NSTW năm 2022 sang năm 2023. Theo đó, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương chỉ đạo các chủ đầu tư chủ động triển khai các giải pháp thúc đẩy tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đảm bảo đến ngày 31/12/2023 giải ngân toàn bộ số vốn được phép kéo dài đã được thông báo. Trường hợp đến hết ngày 31/12/2023, dự án không giải ngân hết số vốn được kéo dài sẽ xử lý theo quy định của Luật NSNN.

3. Kết quả thực hiện Dự án Giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 9 đoạn từ Quốc lộ 1 đến cảng Cửa Việt theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 10/NQ-HĐND ngày 10/3/2021, số 55/NQ-HĐND ngày 12/5/2021, số 11/NQ-HĐND ngày 15/4/2022; số 107/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 về kế hoạch phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng nguồn vốn do ngân sách tỉnh quản lý năm 2021; số 159/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 về kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn do ngân sách tỉnh quản lý năm 2022. Phương án xử lý nguồn vốn còn lại của địa phương khi WB không gia hạn thời gian thực hiện dự án Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 9 đoạn từ Quốc lộ 1 đến cảng Cửa Việt và chưa được Trung ương bố trí nguồn vốn khác để tiếp tục triển khai dự án.

3.1. Tình hình thực hiện công tác GPMB theo quy mô đã được phê duyệt:

3.1.1. Phê duyệt chủ trương dự án:

Dự án Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 9 đoạn từ cảng Cửa Việt đến Quốc lộ 1 (Dự án) sử dụng vốn dư của dự án Quản lý tài sản đường bộ Việt Nam (Dự án VRAMP) vốn vay Ngân hàng Thế giới (WB) theo hiệp định số 5331-VN được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1384/QĐ-TTg ngày 04/8/2021 và Bộ Giao thông vận tải phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết

định số 1939/QĐ-BGTVT ngày 11/11/2021 với tổng mức 440,368 tỷ đồng, thời gian thực hiện từ năm 2021 đến 31/12/2022. Trong đó công tác xây lắp do Ban QLDA3 - Cục đường bộ Việt Nam làm Chủ đầu tư; công tác GPMB được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ cho tỉnh Quảng Trị bố trí vốn từ ngân sách địa phương theo quy định.

3.1.2. Kết quả thực hiện:

Đã bàn giao 4,55km/13,8km và 06 cầu trên tuyến cho Chủ đầu tư, còn lại 9,25km trong đó có 2,5km đã được các địa phương phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ nhưng chưa chỉ tra vì do thời gian này (từ tháng 10/2022-12/2022) Nhà thầu không triển khai thi công do ảnh hưởng mưa lũ, hơn nữa Ngân hàng Thế giới chưa có ý kiến về việc cho phép kéo dài thời gian của Hiệp định vay.

Như vậy tổng chiều dài mặt bằng đã bàn giao và phê duyệt khoảng 7,0km/13,8km, còn lại 6,8km trong đó đoạn qua khu vực đông dân cư (*đoạn cầu Mai Xá 1,0km; Gio Việt 1,9km; TT Cửa Việt 2,75km*) có chiều dài 5,65km và 1,15km nằm ở khu vực lãng mộ.

3.1.3. Kế hoạch, tiến độ GPMB phạm vi đến chân mái taluy nên đường:

Mặt bằng đã bàn giao 4,5km/13,8km, còn lại 9,3km (trong đó có 2,5km đã được phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ nhưng chưa chỉ trả; 5,65km tập trung đông dân cư cầu Mai Xá, Gio Việt, TT Cửa Việt và các vị trí lãng mộ). Dự kiến công tác GPMB hoàn thành **trong tháng 6/2024** được khoảng 8,1km/13,8km bao gồm khu vực ít dân cư + lãng mộ (nếu triển khai ngày từ tháng 11/2023); đoạn qua khu vực đông dân cư 5,65km hoàn thành trong **18 tháng**.

3.2. Phương án triển khai công tác GPMB theo phương án điều chỉnh:

3.2.1. Về phạm vi, quy mô đề xuất trường hợp tiếp tục thực hiện dự án:

UBND tỉnh có Văn bản số 2000/UBND-KT ngày 28/4/2023 đề nghị Bộ Giao thông vận tải điều chỉnh giảm quy mô, phạm vi dự án, cụ thể: (i) điều chỉnh giảm bề rộng nền đường từ 28m thành 23,5m; (ii) điều chỉnh kết cấu cầu Mai Xá từ dầm chữ I thành dầm bản để giảm cao độ thiết kế của đường hai đầu cầu; (iii) điều chỉnh bán kính đường cong nằm tại một số vị trí đoạn qua đô thị để tìm tuyến bám theo tìm đường hiện trạng.

Ngày 05/7/2023, Cục Đường bộ Việt Nam có Văn bản số 4389/CĐBVN-CCĐT về việc lấy ý kiến phương án điều chỉnh Dự án QL9 theo đề xuất của UBND tỉnh. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã có Văn bản số 3802/UBND-KT ngày 28/7/2023 gửi Cục Đường bộ Việt Nam cơ bản thống nhất một số nội dung điều chỉnh hồ sơ dự án. Tuy nhiên, đến nay hồ sơ phê duyệt điều chỉnh chủ trương, quy mô của dự án chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3.2.2. Cơ sở để thực hiện công tác GPMB:

Dự án “Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 9 đoạn từ cảng Cửa Việt đến Quốc lộ 1” là dự án nhóm B, nên không có cơ sở để tách riêng dự án GPMB. Do Dự án đã tạm dừng theo Hiệp định của WB từ ngày 31/12/2022. Đến nay, Bộ Giao

thông vận tải chưa phê duyệt điều chỉnh chủ trương, quy mô và phạm vi của dự án nên UBND tỉnh Quảng Trị chưa đủ cơ sở để trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh chủ trương thực hiện dự án GPMB QL9. Để có cơ sở thực hiện công tác GPMB cần đủ các pháp lý sau:

Về phía Trung ương: (1) Bộ Giao thông vận tải thống nhất về phạm vi điều chỉnh Dự án QL9 theo đề nghị của UBND tỉnh tại Văn bản số 3802/UBND-KT ngày 28/7/2023; Đồng thời phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án². Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường bộ Việt Nam cắm cọc GPMB và bàn giao hồ sơ, phạm vi GPMB cho địa phương.

Về phía tỉnh: (1) Trên cơ sở phê duyệt chủ trương đầu tư dự án của Bộ Giao thông vận tải, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương dự án GPMB QL9, bố trí nguồn vốn để thực hiện; (2) UBND tỉnh Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu Khả thi dự án GPMB QL9 và chỉ đạo các sở, ban ngành, UBND các địa phương có dự án đi qua khẩn trương triển khai thực hiện công tác GPMB.

3.2.3. Về nguồn vốn bố trí: Dự án GPMB QL9 được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương tại Nghị quyết số 38/NQ-HĐND với tổng mức đầu tư: **345.555 triệu đồng** từ ngân sách địa phương, thời gian thực hiện năm 2021-2022. Ngày 24/10/2023 HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 84/NQ-HĐND về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương đối với Dự án GPMB QL9 là **330.620 triệu đồng**.

Thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kết luận của Thường trực HĐND tỉnh tại Phiên họp thứ 36, UBND tỉnh đã trình kỳ họp thứ 21 HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Tuyến đường kết nối từ công phụ Trung tâm Hành hương đức mẹ La Vang đến cụm công nghiệp Hải Lệ và bãi đỗ xe số 01 theo quy hoạch đô thị La Vang trong đó nguồn vốn thực hiện sẽ điều chuyển **35.800 triệu đồng** từ Dự án GPMB QL9. Như vậy, số vốn còn lại của Dự án GPMB QL9 là **294.820 triệu đồng** ($330.620 - 35.800 = 294.820$ triệu đồng).

Hiện nay, Bộ Giao thông vận tải chưa phê duyệt chủ trương đầu tư dự án nên Chủ đầu tư Ban QLDA tỉnh chưa có cơ sở để yêu cầu tư vấn thực hiện việc rà soát lập tổng mức đầu tư Dự án GPMB QL9; theo đề xuất của các địa phương tại các văn bản: số 45/BC-HĐGPMB ngày 21/4/2023 của huyện Cam Lộ, số 503/UBND-TH ngày 21/4/2023 của huyện Gio Linh, ước tính kinh phí thực hiện GPMB dự án QL9 là **312.500 triệu đồng**³.

3.2.4. Về kế hoạch, tiến độ thực hiện công tác GPMB:

Trong trường hợp Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường bộ Việt Nam bàn giao hồ sơ, cọc GPMB cho địa phương thì tiến độ GPMB dự án QL9 sẽ hoàn thành như đã báo cáo tại **mục 3.1.3** nói trên.

4. Tình hình triển khai, kết quả thực hiện dự án Vía hè đường Hùng Vương từ nguồn ngân sách tỉnh theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày

² Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 1 và khoản 1 Điều 11, Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022

³ Cam Lộ 30.000 triệu đồng; Đông Hà 500 triệu đồng; Gio Linh 262.000 triệu đồng; Hạ tầng kỹ thuật 20.000 triệu đồng

21/4/2020, số 31/NQ-HĐND ngày 12/5/2021 của HĐND tỉnh; phân thực hiện từ nguồn vốn vay ADB của dự án GMS. Kiến nghị, đề xuất

4.1. Đối với đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường Điện Biên Phủ (2,3km) đã được HĐND tỉnh phê duyệt từ nguồn vốn ngân sách tỉnh tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 11/NQ-HĐND ngày 21/4/20250, số 31/NQ-HĐND ngày 12/5/2021:

UBND tỉnh đã báo cáo HĐND tỉnh tại Tờ trình số 24/TTr-UBND ngày 10/3/2023, cụ thể: Do phạm vi đầu tư đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến đường Điện Biên Phủ (Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 516/QĐ-TTg ngày 24/4/2017) trùng với đoạn từ Ngô Quyền đến Điện Biên Phủ (HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại các Nghị quyết: số 11/NQ-HĐND ngày 21/4/20250, số 31/NQ-HĐND ngày 12/5/2021) nên ngày 09/12/2022 UBND tỉnh đã có văn bản số 6315/UBND-TH trình kỳ họp thứ 14 HĐND tỉnh xin tạm dừng thực hiện đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường Điện Biên Phủ từ nguồn vốn ngân sách tỉnh để xây dựng phương án đầu tư toàn bộ từ nguồn vốn dự Dự án GMS.

4.2. Đối với các đoạn còn lại thực hiện từ nguồn vốn vay ADB của Dự án GMS (Các đoạn còn lại dài 2,7km gồm các đoạn: Trần Hưng Đạo - Ngô Quyền dài 0,9km; Nguyễn Văn Cừ - Bắc cầu Vĩnh Phước dài 0,6km và Đoạn từ đường Điện Biên Phủ - Nguyễn Văn Cừ dài 1,2km). Kết quả thực hiện đến nay như sau:

(i) Đoạn từ đường Điện Biên Phủ đến đường Nguyễn Văn Cừ được UBND tỉnh phê duyệt dự án tại Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 07/3/2023; Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán tại Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 19/4/2023. Tuy nhiên do Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) chỉ đồng ý thực hiện 01 gói thầu xây lắp cho toàn bộ Dự án vỉa hè đường Hùng Vương nên chưa triển khai đấu thầu gói thầu thi công.

(ii) Đoạn từ Trần Hưng Đạo - Ngô Quyền và Nguyễn Văn Cừ - Bắc cầu Vĩnh Phước được UBND tỉnh phê duyệt dự án tại Quyết định số 804/QĐ-UBND ngày 25/4/2023. Tuy nhiên, tại Quyết định số 1541/QĐ-TTg ngày 13/12/2022, thời gian thực hiện GMS chỉ đến 30/6/2023; đến ngày 14/11/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1346/QĐ-TTg ngày 14/11/2023 phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện Dự án GMS đến 31/12/2023. Như vậy, thời gian còn lại của Dự án không đủ để triển khai thực hiện các công việc tiếp theo.

4.3. Kiến nghị, đề xuất:

Hiện nay, UBND tỉnh đã chỉ đạo Ban QLDA phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư giải trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư các nội dung liên quan đến đề xuất sử dụng nguồn vốn dự (10,905 triệu USD) của Dự án “Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị” (BIIG2); Chỉ đạo Ban QLDA tổ chức kiểm tra và rà soát các hạng mục bổ sung phải sẵn sàng về mặt bằng hoặc có khối lượng GPMB ít.

Do Dự án vỉa hè đường Hùng Vương chủ yếu thực hiện trên phần đất do nhà nước quản lý, chỉ ảnh hưởng đến một số vật kiến trúc, cây cối của các hộ

dân và các công trình hạ tầng kỹ thuật nên cơ bản đáp ứng tính sẵn sàng về mặt bằng thi công. Do đó, UBND tỉnh kính đề nghị HĐND tỉnh xem xét, cho phép:

Đầu tư xây dựng vỉa hè đường Hùng Vương (toàn bộ 5,0km) từ nguồn vốn dư của Dự án BIIG2. Không sử dụng từ nguồn vốn dư của Dự án GMS do thời gian thực hiện dự án chỉ còn hơn 1 tháng.

5. Đối với Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đề nghị UBND tỉnh:

5.1. Báo cáo giải trình làm rõ các giải pháp thực hiện để đạt chỉ tiêu đã đề ra:

Mục tiêu về tốc độ tăng trưởng và cơ cấu kinh tế trong Quy hoạch tỉnh được xác định trên cơ sở mục tiêu của Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, đã được Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh và Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua. Kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2023, tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân đạt 6,79%; cơ cấu GRDP nông nghiệp đạt 19,02%, phi nông nghiệp đạt 80,98%... Tuy nhiên, tại Hội nghị đánh giá giữa kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh không có chủ trương điều chỉnh các chỉ tiêu tăng trưởng và cơ cấu kinh tế đến năm 2025. Vì vậy, UBND tỉnh đã chỉ đạo đơn vị lập quy hoạch, đơn vị tư vấn giữ nguyên mục tiêu để phấn đấu.

Để đạt được các mục tiêu tăng trưởng và cơ cấu kinh tế đến năm 2025 và 2030; theo dự báo của Liên danh tư vấn, để đạt được mục tiêu tăng trưởng, cơ cấu kinh tế đến năm 2025 nhu cầu đầu tư toàn xã hội trong giai đoạn 2024 - 2025 khoảng 30.000-32.000 tỷ đồng/năm. Để đạt huy động được tổng số nguồn vốn này thì Quy hoạch đã đề xuất các giải pháp như sau:

- Tập trung hoàn thành hệ thống quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 làm cơ sở thu hút đầu tư, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp để tỉnh trở thành trung tâm năng lượng của miền Trung; đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án điện gió, Trung tâm điện khí Hải Lăng.

- Nâng cấp, hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, trọng tâm là hạ tầng giao thông, cảng biển, khu công nghiệp. Triển khai thành công nhiều dự án quan trọng, có tính chất động lực: Cảng nước sâu Mỹ Thủy, Khu CN Quảng Trị, Khu CN Triệu Phú, Nhà máy điện khí LNG Hải Lăng, Đề án xây dựng Khu kinh tế thương mại xuyên biên giới chung Lao Bảo - Đen sa vắn, Đường ven biển kết nối Hành lang Đông - Tây, Đường tránh phía Đông thành phố Đông Hà, Sân bay Quảng Trị, Đường cao tốc Cam Lộ - Vạn Ninh, Đường cao tốc Cam Lộ - Lao Bảo,..

- Đẩy mạnh thực hiện đồng bộ, hiệu quả công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, tạo điều kiện phát triển các thành phần kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác kêu gọi, thu hút đầu tư phát triển công nghiệp, nông nghiệp sạch, phát triển đô thị, kinh tế biển gắn với thực hiện có hiệu quả các chương trình xúc tiến thương mại, giao thương kết nối xuất khẩu các sản phẩm chủ lực.

- Nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo; đổi mới khoa học công nghệ; thực hiện chuyển đổi số trên cả ba trụ cột; nâng cao chất lượng đời sống của nhân dân, đảm bảo an sinh xã hội...

Đây sẽ là những giải pháp quan trọng là động lực cho tăng trưởng nhanh của tỉnh và liên quan trực tiếp đến phát triển các ngành kinh tế thuộc khu vực phi nông nghiệp; nếu được triển khai đồng bộ và đúng tiến độ thì các mục tiêu về tốc độ tăng trưởng nền kinh tế và sự chuyển dịch cơ cấu sẽ đạt được.

5.2. Về vấn đề bố trí diện tích đất các loại để thực hiện các dự án trong và ngoài các Khu kinh tế, Khu công nghiệp, cụm công nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho ý kiến được xác định trong quy hoạch này dự kiến sẽ triển khai thực hiện từ nay đến 2030, trong đó cần làm rõ cơ cấu giảm diện tích đất rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng để thực hiện các dự án; đối chiếu với Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2030 tỉnh Quảng Trị đã phù hợp hay chưa:

- Phương án phân bổ và khoanh vùng sử dụng đất tỉnh Quảng Trị đảm bảo phù hợp với Quyết định 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ đã tổ lấy ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường; được Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh thông qua. Các nội dung quy hoạch về không gian phát triển các ngành và lĩnh vực có sử dụng đất đã được tính toán và thể hiện trong Phương án phân bổ đất đai đến năm 2030 (*Có Phụ lục 02 đính kèm*).

- Các dự án đã có chủ trương đầu tư mà không có vướng mắc cũng như các dự án quan trọng được đề xuất mới đã được đơn vị tư vấn thể hiện trong Quy hoạch tỉnh và đã tính toán nhu cầu chuyển đổi chức năng sử dụng đất, bao gồm cả các quỹ đất rừng trong phạm vi dự án.

- Diện tích quy hoạch đất lâm nghiệp dự kiến giảm 12.481,6 ha để phục vụ các công trình và dự án được xác định trong Quy hoạch tỉnh. Trong đó, đất rừng phòng hộ tăng 964,2 ha (đảm bảo theo Quyết định 326/QĐ-TTg), đất rừng đặc dụng giảm 1.324,5 ha (đảm bảo theo Quyết định 326/QĐ-TTg) và rừng sản xuất giảm 12.121,4 ha.

5.3. Về đảm bảo độ che phủ rừng giai đoạn 2021 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030:

Theo như số liệu kiểm kê rừng năm 2022, trong tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh là 470.123,87 ha thì có 234.591,1 ha diện tích rừng (đã bao gồm diện tích rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp là 10.571,44 ha) đảm bảo tỷ lệ che phủ, đạt tỷ lệ che phủ 49,9% (Diện tích này không tính diện tích rừng đang trồng 1-3 năm chưa đạt tỷ lệ che phủ).

- Đối với diện tích rừng phòng hộ và đặc dụng hiện có sẽ được khoán bảo vệ, chăm sóc nên sẽ không làm giảm tỷ lệ che phủ rừng của 2 loại đất rừng này.

- Đối với diện tích rừng trồng sản xuất hiện có (gồm cả ngoài ba loại rừng) được khai thác hàng năm thì cũng sẽ được trồng bù và lớn lên, năm sau bằng diện tích rừng bị khai thác, đảm bảo che phủ so với năm trước.

- Đối với diện rừng bị chuyển đổi sang các chức năng phát triển kinh tế - xã hội (giai đoạn đến năm 2030), sẽ được trồng bù, thay thế, bằng vốn của các dự án có nhu cầu chuyển đổi rừng, do đó cũng không làm suy giảm tỷ lệ che phủ rừng. Diện tích đất rừng trồng bù thay thế này sẽ được thực hiện trên quỹ đất 42.700 ha đất trống chưa có rừng, nhưng đã nằm trong quy hoạch 3 loại rừng của ngành lâm nghiệp.

- Ngoài ra, còn có một số diện tích rừng nhưng không thường xuyên chặt khai thác, nên sẽ góp phần làm tăng độ che phủ rừng, cụ thể như:

+ Trồng mới rừng phòng hộ, đặc dụng: 5.000 ha.

+ Trồng rừng sản xuất gỗ lớn: 5.000 ha (thời gian sẽ lâu chặt, kéo dài thời gian tính che phủ).

+ Ngoài ra, còn tối thiểu là khoảng 2.000 ha rừng được quy hoạch khoanh nuôi, xúc tiến, tái sinh và phục hồi sẽ góp phần gia tăng tỷ lệ che phủ rừng.

Tổng diện tích rừng trồng mới, thay thế và tái sinh rừng tăng thêm là 12.000 ha (5.000 + 5.000 + 2.000).

Như vậy, với phương án phát triển lâm nghiệp đề xuất trong quy hoạch tỉnh, tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2030 sẽ đảm bảo ổn định ở mức trên 49,5%.

5.4. Về vấn đề “*Một số dự án người dân địa phương rất bức xúc đề nghị các cấp chính quyền xử lý, nhưng còn vướng mắc, Thường trực HĐND tỉnh đã có các kết luận kiến nghị xử lý như việc đề nghị điều chỉnh lại diện tích thuê đất chồng lấn giữa Công ty Cổ Phần Cao Su Khe Sanh (4.176 ha) và các hộ gia đình tại xã Hướng Lộc, xã Pa Tầng, xã Húc, huyện Hướng Hóa; xử lý cấp chồng lấn đất của Công ty TNHH xây dựng thương mại và kinh doanh tổng hợp Phi Long (200 ha) với đất sản xuất của nhân dân tại xã Hướng Lộc; xem xét điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án trồng cây Mắc ca của Công ty TNHH My Anh - Khe Sanh với diện tích 1.500 ha đã được rà soát tích hợp vào quy hoạch chung của tỉnh hay chưa*”:

Đây là các dự án đã được cấp chủ trương đầu tư, nhưng trong quá trình thực hiện còn gặp vướng mắc. Đơn vị tư vấn đã căn cứ hiện trạng thực hiện dự án để cập nhật vào Quy hoạch tỉnh. Tuy nhiên, việc thể hiện trong Quy hoạch tỉnh được khái quát hoá, mang tính định hướng. Việc quy hoạch chi tiết sẽ được thể hệ ở các quy hoạch cấp dưới để làm căn cứ thực hiện. Cụ thể:

- Hiện trạng diện tích đất giao cho Công ty Cổ Phần Cao Su Khe Sanh hiện mới được trồng với diện tích khoảng 4 ha cao su. Diện tích còn lại sẽ được giữ nguyên theo đất hiện trạng.

- Hiện trạng diện tích đất giao cho Công ty TNHH xây dựng thương mại và kinh doanh tổng hợp Phi Long hiện trạng toàn bộ là diện tích rừng sản xuất, nhưng chủ yếu hiện do người dân địa phương quản lý.

- Hiện trạng diện tích đất giao cho Công ty TNHH My Anh - Khe Sanh, trong đó 150 ha đã được doanh nghiệp trồng Mắc ca, nhưng có 70 ha người dân đã lấy lại và chuyển sang trồng cây nông nghiệp khác (chủ yếu là trồng chuối).

Phương án sẽ tiếp tục giữ nguyên hiện trạng 80 ha doanh nghiệp trồng mắc ca, và hiện trạng diện tích đất canh tác các loại cây trồng hiện có.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS - HĐND tỉnh;
- Chánh Văn phòng, các PVP;
- Các TP, PTP, CV Khối NCTH;
- Lưu: VT, THƯ.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Sỹ Đồng

TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐÁ CHĂM DỨT, THU HỒI TRONG NĂM 2023
(Kèm theo Công văn số 622/UBND-TH ngày 27/11/2023)

STT	Tên dự án đầu tư	Nhà đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Giấy Chứng nhận ĐKĐT	Vốn đầu tư 1.000 VNĐ	Tình hình thực hiện dự án của nhà đầu tư
I	Các dự án ngoài khu kinh tế, khu công nghiệp				
1	Cây xăng dầu và dịch vụ tổng hợp Trung Sơn	Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Nguyên	2209/QĐ-UBND ngày 26/09/2018	35.000.000	04/TB-SKH-DN ngày 18/01/2023
2	Khai thác mỏ sét Tân Trúc	Công ty TNHH Minh Hưng	30121000085 ngày 25/03/2012	2.900.000	12/TB-SKH-DN ngày 13/02/2023
3	Trồng cây cao su tiểu điền	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Sài Gòn	30121000077 ngày 30/06/2011	276.000.000	31/QĐ-SKH-DN ngày 03/03/2023
4	Nhà máy sản xuất viên nén năng lượng Phát Đạt	Công ty CP Lộc Thiên Phú Quảng Trị	97/QĐ-UBND ngày 18/01/2016	103.408.307	37/TB-SKH-DN ngày 25/04/2023
5	Khai thác mỏ cát, sỏi lòng sông Thạch Hãn làm vật liệu xây dựng thông thường	Công ty TNHH MTV Dịch vụ số 1 Thành Thành Công	1040/QĐ-UBND ngày 19/5/2017	2.542.000	57/TB-SKHDT ngày 20/06/2023
6	Khu du lịch –dịch vụ khu vực hồ Tích Tường	Công ty TNHH xây dựng Hưng Nghiệp	2598/QĐ-UB ngày 14/11/2003; 1606/GCN-QT ngày 21/7/2005	11.555.000	59/TB-SKHDT ngày 29/06/2023
7	Trồng cây dược liệu	Ông Nguyễn Đức Đạt	3392/QĐ-UBND ngày 08/12/2017	2.205.000	68/TB-SKHDT ngày 15/08/2023

STT	Tên dự án đầu tư	Nhà đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Giấy Chứng nhận ĐKĐT	Vốn đầu tư 1.000 VNĐ	Tình hình thực hiện dự án của nhà đầu tư
8	Khu phức hợp du lịch nghỉ dưỡng biển Mũi Trèo	Công ty CP Pacific Quang Trị	622/QĐ-UBND ngày 25/3/2019	5.750.000.000	127/QĐ-SKHĐT ngày 25/08/2023
9	Trạm khai thác, xử lý và cung cấp nước sinh hoạt nông thôn và nhà máy ứng dụng sản xuất khí gas CO2 hóa lỏng	Doanh nghiệp tư nhân Sao Mai	30121000036 ngày 23/12/2008	12.092.000	164/QĐ-SKHĐT ngày 30/10/2023
10	Trồng cây Sacha Inchi trên địa bàn huyện Hướng Hóa và Đakrông, tỉnh Quảng Trị	Công ty cổ phần Sacha Inchi Việt Thái	273/QĐ-UBND ngày 17/02/2017; 7518625055 cấp ngày 20/11/2017	676.657.000	89/TB-SKHĐT ngày 16/11/2023
II	Các dự án trong khu kinh tế, khu công nghiệp				
1	Trung tâm nội thất và điện cơ AAA tại Khu công thương mại dịch vụ Lao Bảo thuộc Khu kinh tế Thương mại đặc biệt Lao Bảo	Ông Hoàng Văn Cường	30221000420 ngày 23/3/2013 và ngày 10/12/2019	12.000.000	1067/KKT-ĐTĐN ngày 10/7/2023
2	Nhà máy sản xuất dăm gỗ và chế biến lâm sản Shaiyoo AA Quảng Trị tại Khu công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá	Công ty TNHH chế biến lâm sản Shaiyoo AA Quảng Trị	301210001180 ngày 06/4/2015	94.752.285	1312/KKT-ĐTĐN ngày 21/8/2023